TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THÀNH** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/2018/QĐST-HNGĐ	*Yên Thành, ngày 22 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 306/2017/TLST/HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2017, giữa:

1.Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, nơi cư trú: Xóm Tr, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An.

2.Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân D, nơi cư trú: Xóm Tr, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 107, 110 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Xuân D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Xuân D thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung:

Giao con chung là Nguyễn Xuân Nh, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2003; Nguyễn Khánh L, sinh ngày 17 tháng 10 năm 2005 cho chị Nguyễn Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Xuân D phải đóng góp nuôi với chị Nguyễn Thị Đ số tiền là 1.200.000đ/tháng (Sáu trăm nghìn đồng/một con/một tháng) cho đến khi cháu Nh, L thành niên .

Anh Nguyễn Xuân D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở

- Án phí: áp dụng khoản 3 Điều 144; khoản 3, 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 12.800.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006654 ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Yên Thành. Chị Nguyễn Thị Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.650.000đ (Mười hai triệu, sáu trăm, năm mươi nghìn đồng)

Anh Nguyễn Xuân D phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm, năm mươi nghìn đồng)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất các các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phan Xuân Thọ